|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG – LÂM**  **BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Bắc Giang, ngày tháng năm 20* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI**

**1. Thông tin chung về học phần.**

- Mã học phần: TNM2004

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: Không

- Các học phần song hành: Không

- Các yêu cầu với học phần (nếu có):

+ Sĩ số tối đa lớp học: 40 sinh viên

+ Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, phông chiếu, loa tăng âm, bảng, phấn, ...

- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý tài nguyên và môi trường – Khoa Tài nguyên và môi trường

- Số tiết quy định với các hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| + Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết | + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết |
| \* Thảo luận: 15 tiết | + Tự học: 76 giờ |
| \* Làm bài tập: 0 tiết | + Tự học có hướng dẫn: 0 giờ |
| + Thực hành, thí nghiệm: 0 tiết | \* Bài tập lớn (tiểu luận): 0 giờ |

**2. Thông tin chung về các giảng viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | ThS. Đinh Thị Thu Trang | 0986 269 320 | [trangdtt@bafu.edu.vn](mailto:trangdtt@bafu.edu.vn) |  |
| 2 | ThS. Phan Lê Na | 0977 588 187 | [napl@bafu.edu.vn](mailto:napl@bafu.edu.vn) |  |
| 3 | ThS. Dương Thị Hậu | 0964 348 190 | [haudt@bafu.edu.vn](mailto:haudt@bafu.edu.vn) |  |

**3. Mục tiêu của học phần.**

***- Yêu cầu về kiến thứ*c:** Làm rõ được các khái niệm cơ bản về môi trường và dân số học, quy mô và cơ cấu dân số, nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người. Phân tích các tác động của con người lên môi trường. Giải thích được các nguyên tắc và các công cụ quản lý môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

***- Yêu cầu về kỹ năng*:** Lựa chọn các công cụ quản lý môi trường theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý và sử dụng đất đai. Văn minh, lịch sự trong giao tiếp ứng xử. Hỗ trợ, hợp tác và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

***- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:** Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, chủ động tìm kiếm tài liệu, chăm chỉ trong việc chuẩn bị bài ở nhà, chủ động trong giải quyết công việc, hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm có hiệu quả.

*Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2*

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (LO – Learning Outcomes)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| ***LO.1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** |
| LO.1.1 | Làm rõ các khái niệm cơ bản về môi trường và dân số học, quy mô và cơ cấu dân số, nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người. Từ đó dự báo các tác động của con người lên môi trường. |
| LO.1.2 | Giải thích được các nguyên tắc và các công cụ quản lý môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. |
| ***LO.2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** |
| LO.2.1 | Lựa chọn được các công cụ quản lý môi trường theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý và sử dụng đất đai. |
| LO.2.2 | Văn minh, lịch sự trong giao tiếp ứng xử. Hỗ trợ, hợp tác và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả. |
| ***LO.3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp*** |
| LO.3.1 | Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có khả năng tự ra quyết định, tự chịu trách nhiệm. |
| LO.3.2 | Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. |

*Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1.*

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

- Vị trí: Môi trường và con người là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm thứ 2, học kỳ thứ 3

- Vai trò: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về môi trường và con người, mối quan hệ giữa môi trường và con người. Là cơ sở để nghiên cứu các tác động của con người lên môi trường.

- Quan hệ của học phần này với các học phần thuộc CTĐT: học phần là nền tảng cơ sở hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành.

- Khối lượng kiến thức cần trang bị cho người học:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về phân loại môi trường, các thành phần của môi trường, chức năng của môi trường; các khái niệm dân số học, quy mô và cơ cấu dân số, nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người, tác động của con người lên môi trường thông qua các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và quá trình đô thị hóa; nguyên tắc và định hướng quản lý, bảo vệ môi trường, một số chương trình bảo vệ môi trường nước ta.

**6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

+ Mức 1: Thấp (Nhớ: Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc… đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.)

+ Mức 2: Trung bình (Hiểu: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.)

+ Mức 3: Cao (Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài giảng** |  | **Chuẩn đầu ra của học phần** | | | | |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| Chương 1 | 2 |  | 2 | 3 | 3 | 3 |
| Chương 2 | 2 |  | 2 | 3 | 3 | 3 |
| Chương 3 |  | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |

**7. Danh mục tài liệu**

***- Tài liệu học tập chính:***

[1] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2014), *Giáo trình Môi trường và con người,* Nxb Giáo dục.

***- Tài liệu tham khảo:***

[2] Nguyễn Xuân Kính (2014), *Con người, môi trường và văn hóa,* Nxb Khoa học xã hội

[3] Đặng Văn Minh, Dương Thị Thu Hoài *(2014)*, *Sinh thái nhân văn,* Nxb Nông nghiệp.

[4] Nguyễn Văn Hồng (2012), *Môi trường, dân số và phát triển bền vững,* Nxb Khoa học và kỹ thuật.

[5] Lê Văn Khoa (2016), *Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb Giáo dục

[6] Nguyễn Đình Hòe (2007), *Môi trường và phát triển bền vững,* Nxb Giáo dục.

**8. Nhiệm vụ của người học**

**8.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

- Tích cực, chủ động tham gia thảo luận nhóm.

- Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà được giao trong bài giảng.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**8.2. Phần thí nghiệm, thực hành:**

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành.

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**9. Phương pháp giảng dạy**

- Phần lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, tự học

- Phần thực hành: Làm việc nhóm, tự học

*(Phương pháp giảng dạy được thể hiện tại Phụ lục 3)*

**10. Phương pháp, hình thức - đánh giá kết quả học tập**

*10.1. Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần:*

+ Phương pháp kiểm tra: Viết

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận

*(Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4)*

*10.2. Làm rõ thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số:*

+ Thang điểm đánh giá: Theo thang điểm 10

+ Hình thức đánh giá:

Điểm chuyên cần: Điểm danh và thái độ học tập

Kiểm tra thường xuyên và thi giữa học phần: Tự luận

Thi kết thúc học phần: Tự luận

+ Tiêu chí đánh giá và trọng số

**Bảng 1: Trọng số đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm thành phần** | **Điểm kiểm tra quá trình** | | | **Điểm thi** |
| Chuyên cần | Điểm kiểm tra thường xuyên | Điểm bài thi giữa học phần | Bài thi kết thúc học phần |
| **Trọng số** | 10% | 20% | 20% | 50% |

**Bảng 2: Kế hoạch đánh giá kết quả học tập**

***Bảng 2.1. Đánh giá chuyên cần***

| **TT** | **Hình thức** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Điểm danh và thái độ học tập | Thái độ tham dự (2%)  Trong đó:  - Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)  - Khá chú ý, có tham gia (1,5%)  - Có chú ý, ít tham gia (1%)  - Không chú ý, không tham gia (0%) | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  - Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần thì không đánh giá. | 8 |

***Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra số 1, số 2 và bài thi giữa học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| **Bài kiểm tra số 1** | | | | | | |
| Nội dung chương 1 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1 Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1 Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài thi giữa học phần** | | | | | | |
| Nội dung chương 2 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 2 Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 2 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 2 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 2 Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 2  Chưa có khả năng vận dụng kiến trả lời câu hỏi |
| **Bài kiểm tra số 2 – Thực hành** | | | | | | |
| Nội dung chương 1,2,3 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1,2,3 Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1,2,3  Chưa có khả năng vận dụng kiến để trả lời câu hỏi |

***Bảng 2.3. Đánh giá điểm thi (Tự luận)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Hình thức** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| Nội dung chương 1,2,3 | Tự luận | Hiểu >85% kiến thức của chương 1, 2,3. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1, 2,3. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của học phần để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1, 2,3. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của học phần để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1, 2,3. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của học phần để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của chương 1, 2,3. Chưa có khả năng vận dụng kiến thức của học phần để trả lời câu hỏi |

**11. Nội dung chi tiết học phần**

**11.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận**

**Chương 1: Một số khái niệm cơ bản về môi trường**

(Tổng số tiết: 4 tiết; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết bài tập, thảo luận: 0 )

1.1 Khái niệm cơ bản về môi trường

*1.1.1 Khái niệm và phân loại môi trường*

*1.1.2 Các thành phần cơ bản của môi trường*

1.2 Các chức năng cơ bản của môi trường

1.3 Những thách thức hiện nay đối với vấn đề môi trường toàn cầu

**Chương 2: Dân số và môi trường**

(Tổng số tiết: 13 tiết; Số tiết lý thuyết: 11; Số tiết bài tập, thảo luận: 0; Số tiết kiểm tra: 02)

2.1 Khái niệm và các thông số của dân số học

*2.1.1 Khái niệm dân số học*

*2.1.2 Giới thiệu một số thông số cơ bản của dân số học*

2.2 Quy mô và cấu trúc dân số

*2.2.1 Quy mô dân số*

*2.2.2 Cấu trúc dân số theo độ tuổi*

*2.2.3 Cấu trúc dân số theo giới tính*

Kiểm tra bài số 1

2.3 Sự phân bố và di chuyển dân cư

2.4 Khái quát lịch sử tác động của con người tới môi trường

2.5 Tác động của con người tới môi trường đất

2.6 Tác động của con người tới môi trường nước

2.7 Tác động của con người tới môi trường không khí

2.8 Tác động của con người tới đa dạng sinh học

2.9 Con người và biến đổi khí hậu toàn cầu

Bài thi giữa học phần

**Chương 3: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**

(Tổng số tiết: 6 tiết; Số tiết lý thuyết: 6; Số tiết bài tập, thảo luận: 0 )

3.1 Vài nét về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam

*3.1.1 Bảo vệ môi trường trên thế giới*

*3.1.2 Bảo vệ môi trường tại Việt Nam*

*3.1.3 Các nguyên tắc bảo vệ môi trường*

*3.1.4 Các công cụ quản lý môi trường và bảo vệ môi trường*

3.2 Phát triển bền vững

*3.2.1 Khái niệm và nội dung phát triển bền vững*

*3.2.2 Các nguyên tắc của phát triển bền vững*

*3.2.3 Giới thiệu về một số chỉ số phát triển bền vững*

*3.2.4 Vài nét về phát triển bền vững ở Việt Nam*

***11.2. Nội dung về thực hành, thí nghiệm: 15 tiết***

**Bài 1: Xác định áp lực của đô thị hóa tới chất lượng môi trường (Tổng số tiết: 5 tiết)**

***1. Mục tiêu:***

**-** Kiến thức: Giải thích được các áp lực của quá trình đô thị hóa tới môi trường

- Kỹ năng: Lựa chọn các công cụ quản lý môi trường theo quy định phù hợp với các áp lực đã xác định được.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Chủ động tìm kiếm tài liệu. Hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm hiệu quả

***2. Nội dung***

- Xác định các áp lực của quá trình đô thị hóa tới sinh thái môi trường

- Xác định các áp lực của quá trình đô thị hóa tới chất lượng môi trường nước.

- Xác định các áp lực của quá trình đô thị hóa tới chất lượng môi trường đất.

- Xác định các áp lực của quá trình đô thị hóa tới chất lượng môi trường không khí.

***3. Phương pháp thực hiện***

Giảng viên chia nhóm và hướng dẫn, giao nhiệm vụ theo nội dung cho các nhóm

Sinh viên: Thực hiện xác định các vấn đề theo nội dung được giao

***4. Dụng cụ, trang thiết bị***: Bảng, phấn, bút, máy chiếu

***5. Kiểm tra đánh giá***: Các nhóm báo cáo sản phẩm và chia sẻ kinh nghiệm. Giảng viên đánh giá nhận xét.

**Bài 2: Đánh giá tác động của sản xuất nông nghiệp tới môi trường (Tổng số tiết: 5 tiết)**

***1. Mục tiêu:***

**-** Kiến thức: Dự báo được các tác động của quá trình sản xuất nông nghiệp tới chất lượng môi trường

- Kỹ năng: Lựa chọn các công cụ quản lý môi trường theo quy định phù hợp với các tác động của quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Chủ động tìm kiếm tài liệu. Hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm hiệu quả

***2. Nội dung***

Xác định tác động quá trình sản xuất nông nghiệp tại một địa điểm cụ thể tới chất lượng môi trường

***3. Phương pháp thực hiện***

Giảng viên chia nhóm và hướng dẫn, giao nhiệm vụ theo nội dung cho các nhóm

Sinh viên: Thực hiện xác định các vấn đề theo nội dung được giao

***4. Dụng cụ, trang thiết bị***: Bảng, phấn, bút, máy chiếu

***5. Kiểm tra đánh giá***: Các nhóm báo cáo sản phẩm và chia sẻ kinh nghiệm. Giảng viên đánh giá nhận xét.

**Bài 3: Đánh giá tác động của sản xuất công nghiệp tới chất lượng môi trường (Tổng số tiết: 5 tiết;** Số tiết thực hành: 04; Số tiết kiểm tra: 01**)**

***1. Mục tiêu:***

**-** Kiến thức: Làm rõ được các tác động của quá trình sản xuất công nghiệp tới chất lượng môi trường

- Kỹ năng: Lựa chọn các công cụ quản lý môi trường theo quy định phù hợp với các tác động của quá trình sản xuất công nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Chủ động tìm kiếm tài liệu. Hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm hiệu quả.

***2. Nội dung***

Xác định tác động quá trình sản xuất công nghiệp tại một địa điểm cụ thể tới chất lượng môi trường

***3. Phương pháp thực hiện***

Giảng viên chia nhóm và hướng dẫn, giao nhiệm vụ theo nội dung cho các nhóm

Sinh viên: Thực hiện xác định các vấn đề theo nội dung được giao

***4. Dụng cụ, trang thiết bị***: Bảng, phấn, bút, máy chiếu

***5. Kiểm tra đánh giá***: Các nhóm báo cáo sản phẩm và chia sẻ kinh nghiệm. Giảng viên đánh giá nhận xét.

**11.3. Nội dung về bài tập lớn, tiểu luận:** *Không*

**12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần:** Ngày tháng năm 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN**  **PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**  ***(Ký, ghi rõ họ tên)*** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |
| **Ths. Đinh Thị Thu Trang** | **Ths. Phan Lê Na** | **TS. Nguyễn Văn Bài** |

**PHỤ LỤC 1**

**MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Mức độ theo tháng** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| 1 | **Chuẩn về kiến thức** |  |  |
| **LO.1.1.** Làm rõ các khái niệm cơ bản về môi trường và dân số học, quy mô và cơ cấu dân số, nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người. Từ đó dự báo các tác động của con người lên môi trường. | 2 | CĐR5 |
| **LO.1.2.** Giải thích được các nguyên tắc và các công cụ quản lý môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững | 2 | CĐR5 |
| **2** | ***Chuẩn về kỹ năng*** |  |  |
| **LO.2.1.** Lựa chọn các công cụ quản lý môi trường theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý và sử dụng đất đai. | 2 | CĐR10 |
| **LO.2.2.** Văn minh, lịch sự trong giao tiếp ứng xử. Hỗ trợ, hợp tác và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả. | 3 | CĐR14 |
| 3 | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm*** |  |  |
| **LO.3.1:** Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có khả năng tự ra quyết định, tự chịu trách nhiệm. | 3 | CĐR15  CĐR16 |
| **LO.3.2:** Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. | 3 | CĐR15  CĐR16 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

**1. Mục tiêu của học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| G1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản về môi trường và dân số học, quy mô và cơ cấu dân số, nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người. Phân tích các tác động của con người lên môi trường. Phân biệt được các nguyên tắc và các công cụ quản lý môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. | CĐR 5 |
| G2 | Áp dụng các công cụ quản lý môi trường theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý và sử dụng đất đai. Văn minh, lịch sự trong giao tiếp ứng xử. Hỗ trợ, hợp tác và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả. | CĐR10  CĐR14 |
| G3 | Tích cực nghe giảng trên lớp, chủ động tìm kiếm tài liệu, chăm chỉ trong việc chuẩn bị bài ở nhà, chủ động trong giải quyết công việc, hỗ trợ và hợp tác làm việc theo nhóm có hiệu quả. | CĐR15  CĐR16 |

**2. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Liên kết với**  **CĐR của CTĐT** |
| ***LO.1*** | ***Chuẩn về kiến thức*** |  |
| LO.1.1 | Làm rõ các khái niệm cơ bản về môi trường và dân số học, quy mô và cơ cấu dân số, nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người. Từ đó phân tích các tác động của con người lên môi trường. | CĐR5 |
| LO.1.2 | Lựa chọn được các nguyên tắc và các công cụ quản lý môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững | CĐR5 |
| ***LO.2*** | ***Chuẩn về kỹ năng*** |  |
| LO.2.1 | Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý môi trường theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý và sử dụng đất đai. | CĐR10 |
| LO.2.2 | Văn minh, lịch sự trong giao tiếp ứng xử. Hỗ trợ, hợp tác và có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả. | CĐR14 |
| ***LO.3*** | ***Năng lực tự chủ & trách nhiệm*** |  |
| LO.3.1 | Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có khả năng tự ra quyết định, tự chịu trách nhiệm. | CĐR15  CĐR16 |
| LO.3.2 | Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật; có thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. | CĐR15  CĐR16 |

**PHỤ LỤC 3**

**NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần thứ** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Số tiết LT/TH** | **Tài liệu học tập, tham khảo** | **CĐR học phần** |
| 1 | **Chương 1: Một số khái niệm cơ bản về môi trường** | | 4/0 | [1]  [2]  [3]  [4] | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1  LO.3.2 |
|  | **1.1 Khái niệm cơ bản về môi trường**  1.1.1 Khái niệm và phân loại môi trường  1.1.2 Các thành phần cơ bản của môi trường | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập; xây dựng các nhóm học tập.  - Thuyết trình về các khái niệm cơ bản và thành phần cơ bản của môi trường. Lấy ví dụ minh họa  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến các cách phân loại và các thành phần cơ bản của môi trường  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới các vấn đề môi trường, các cách phân loại môi trường và thành phần cơ bản của môi trường |  |  |  |
|  | **1.2 Các chức năng cơ bản của môi trường**  **1.3 Những thách thức hiện nay đối với vấn đề môi trường toàn cầu** | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Thuyết trình về các chức năng của môi trường. Lấy ví dụ minh họa.  - Phân tích những thách thức hiện nay đối với vấn đề môi trường toàn cầu  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến các chức năng cơ bản của môi trường.  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới các chức năng của môi trường và những thách thức hiện nay đối với môi trường. |  |  |  |
| **2** | **Chương 2: Dân số và môi trường** | | 13/0 | [1]  [2]  [3]  [4] | LO.1.1  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
|  | **2.1 Khái niệm và các thông số của dân số học**  2.1.1 Khái niệm dân số học  2.1.2 Giới thiệu một số thông số cơ bản của dân số học | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Thuyết giảng về các khái niệm dân số.  - Diễn giảng các thông số cơ bản của dân số học  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và đặt các câu hỏi liên quan.  + Trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới nội dung học | 2/0 |  |  |
|  | **2.2 Quy mô và cấu trúc dân số**  2.2.1 Quy mô dân số  2.2.2 Cấu trúc dân số theo độ tuổi  2.2.3 Cấu trúc dân số theo giới tính | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Diễn giảng về quy mô dân số  - Thuyết trình các cấu trúc dân số theo độ tuổi và theo giới tính  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và đặt các câu hỏi liên quan.  + Trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới nội dung đã học | 2/0 |  |  |
| **3** | **Bài kiểm tra số 1** | **Giảng viên:**  - Phát đề bài kiểm tra thường xuyên, hệ thống các kiến thức ở chương 1  **Sinh viên:** Sinh viên làm bài kiểm tra nghiêm túc | 1/0 |  | LO.1.1  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
|  | **2.3 Sự phân bố và di chuyển dân cư** | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Diễn giảng về sự phân bố và di chuyển dân cư  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới nội dung đã học | 1/0 |  |  |
|  | **2.4 Khái quát lịch sử tác động của con người tới môi trường**  **2.5 Tác động của con người tới môi trường đất** | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Thuyết giảng khái quát lịch sử tác động của con người tới môi trường  - Phân tích các tác động của con người tới môi trường đất.  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới nội dung bài học | 2/0 |  |  |
| 4 | **2.6 Tác động của con người tới môi trường nước**  **2.7 Tác động của con người tới môi trường không khí** | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Thuyết trình các tác động của con người tới môi trường nước  - Phân tích các tác động của con người tới môi trường không khí  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới nội dung bài học | 2/0 |  |  |
|  | **2.8 Tác động của con người tới đa dạng sinh học**  **2.9 Con người và biến đổi khí hậu toàn cầu** | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Phân tích các tác động của con người tới môi trường đất.  - Diễn giảng nội dung biến đổi khí hậu toàn cầu và các ảnh hưởng của con người gây ra sự biến đổi khí hậu toàn cầu  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học  **- Ở nhà:** tự học. Chủ động cập nhật các tài liệu liên quan tới nội dung bài học | 2/0 |  |  |
|  | **Bài thi giữa học phần** | **Giảng viên:**  - Phát đề bài kiểm tra thường xuyên, hệ thống các kiến thức ở chương 1, chương 2  **Sinh viên:** Sinh viên làm bài kiểm tra nghiêm túc | 1/0 |  | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
| 5 | **Chương 3: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững** | | 6/0 | [1]  [2]  [3]  [4] | LO.1.2  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
|  | **3.1 Vài nét về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam**  3.1.1 Bảo vệ môi trường trên thế giới  3.1.2 Bảo vệ môi trường tại Việt Nam | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Thuyết giảng và giải thích về công tác bảo vệ môi trường trên Thế giới và tại Việt Nam  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và đặt các câu hỏi liên quan.  + Trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học | 2/0 |  |  |
|  | 3.1.3 Các nguyên tắc bảo vệ môi trường  3.1.4 Các công cụ quản lý môi trường và bảo vệ môi trường | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Diễn giảng về các nguyên tắc bảo vệ môi trường và các công cụ quản lý, bảo vệ môi trường  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và đặt các câu hỏi liên quan.  + Trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học | 2/0 |  |  |
| 6 | **3.2 Phát triển bền vững**  3.2.1 Khái niệm và nội dung phát triển bền vững  3.2.2 Các nguyên tắc của phát triển bền vững  3.2.3 Giới thiệu về một số chỉ số phát triển bền vững  3.2.4 Vài nét về phát triển bền vững ở Việt Nam | **Giảng viên:** áp dụng phương pháp thuyết trình và phát vấn  - Thuyết giảng và giải thích về phát triển bền vững, các nguyên tác về phát triển bền vững  - Diễn giảng giới thiệu một số chỉ số phát triển bền vững  - Giới thiệu vài nét về phát triển bền vững tại Việt Nam  - Phát vấn các câu hỏi liên quan đến nội dung đã thuyết trình  **Sinh viên:**  **- Trên lớp:**  + Lắng nghe, ghi chép, trả lời các câu hỏi và đặt các câu hỏi liên quan.  + Trả lời câu hỏi của giảng viên  + Đặt câu hỏi trao đổi với giảng viên về nội dung bài học | 2/0 |  |  |
|  | **Bài thực hành số 01:** Xác định áp lực của đô thị hóa tới chất lượng môi trường | **Áp dụng phương pháp làm việc nhóm**  **Giảng viên:**  - Tiến hành chia nhóm và giao nhiệm vụ tìm hiểu theo chủ đề.  - Giao nhiệm vụ thảo luận  - Kiểm tra sự chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu đã chuẩn bị của sinh viên.  - Tổ chức cho các nhóm thực hiện thảo luận  **Sinh viên:**  - Chuẩn bị dụng cụ thảo luận  - Nghiên cứu tài liệu theo chủ đề được giao  - Thực hiện báo cáo và thuyết trình báo cáo  - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi, trao đổi với giảng viên và các nhóm  - Rút kinh nghiệm | 0/5 | [1]  [2]  [3]  [4] | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
| **7** | **Bài thực hành số 02:** Đánh giá tác động của sản xuất nông nghiệp tới môi trường | **Áp dụng phương pháp làm việc nhóm**  **Giảng viên:**  - Tiến hành chia nhóm và giao nhiệm vụ tìm hiểu theo chủ đề.  - Giao nhiệm vụ thảo luận  - Kiểm tra sự chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu đã chuẩn bị của sinh viên.  - Tổ chức cho các nhóm thực hiện thảo luận  **Sinh viên:**  - Chuẩn bị dụng cụ thảo luận  - Nghiên cứu tài liệu theo chủ đề được giao  - Thực hiện báo cáo và thuyết trình báo cáo  - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi, trao đổi với giảng viên và các nhóm  - Rút kinh nghiệm | 0/5 | [1]  [2]  [3]  [4] | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
|  | **Bài thực hành số 03:** Đánh giá tác động của sản xuất công nghiệp tới chất lượng môi trường | **Áp dụng phương pháp làm việc nhóm**  **Giảng viên:**  - Tiến hành chia nhóm và giao nhiệm vụ tìm hiểu theo chủ đề.  - Giao nhiệm vụ thảo luận  - Kiểm tra sự chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu đã chuẩn bị của sinh viên.  - Tổ chức cho các nhóm thực hiện thảo luận  **Sinh viên:**  - Chuẩn bị dụng cụ thảo luận  - Nghiên cứu tài liệu theo chủ đề được giao  - Thực hiện báo cáo và thuyết trình báo cáo  - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi, trao đổi với giảng viên và các nhóm  - Rút kinh nghiệm | 0/4 | [1]  [2]  [3]  [4] | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |
|  | **Bài kiểm tra số 02** | **Giảng viên:** Đánh giá nhận xét kết quả thực hiện của sinh viên  **Sinh viên:**  - Sinh viên hoàn thành kết quả của bài thực hành số 1, số 2, số 3  - Sản phẩm: Báo cáo trình bày về các nội dung thực hành của bài số 1, số 2 và số 3 | 0/1 |  | LO.1.1  LO.1.2  LO.2.1  LO.2.2  LO.3.1  LO.3.2 |

**PHỤ LỤC 4**

**PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần (Tỷ lệ %)** | **Quy định** | **Chuẩn đầu ra học phần** | | | | | |
| LO.1.1 | LO.1.2 | LO.2.1 | LO.2.2 | LO.3.1 | LO.3.2 |
| 1 | Điểm quá trình (50%) | **1. Kiểm tra định kỳ:** Hệ số: 2 |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 Kiểm tra số 1  + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: *Tuần 3* | x |  |  | x | x | x |
| 1.2 Kiểm tra số 2  + Hình thức: *Báo cáo thực hành*  + Thời điểm: *tuần 7* | x | x | x | x | x | x |
| **2. Thi giữa học phần**  + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: *Tuần 4*  *+* Hệ số: 2 |  | x | x | x | x | x |
| **3. Kiểm tra chuyên cần**  + Hình thức: *Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp*  + Hệ số: 1 | x | x | x | x | x | x |
| 2 | Điểm thi kết thúc học phần (50 %) | + Hình thức: *Tự luận*  + Thời điểm: *Theo lịch thi học kỳ*  + Tính chất: *Bắt buộc* | x | x | x | x | x | x |